

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 04 - 6 -2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Long

2. Ông Trần Xuân Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1 - *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn 1, H, xã M, huyện T, Thanh Hóa.

2 - *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, Thanh Hóa.

3 - *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Lê Thị H -Luật sư công tác tại Văn phòng luật sư Vthuộc Đoàn Luật sư Thanh Hóa. Số 09/91, N, phường T, Thành phố Thanh Hóa.

5- *Người làm chứng:* Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt bà T, bà N, bà H, ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày và đề nghị: Ngày 08/11/2018, bà N đến nhà bà hỏi vay 50.000.000đ, bà đồng ý cho vay. Bà N viết

giấy vay tiền và nhận đủ 50.000.000đ tiền mặt, thời hạn vay 01 tháng, không lấy lãi. Quá thời hạn trả nợ, bà T đòi nhiều lần nhưng bà N không trả tiền. Bà T khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà 50.000.000đ. Tại phiên tòa, bà T trình bày bà N đã trả 10.000.000đ, bà yêu cầu bà N trả số nợ còn lại là: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, bà N tố cáo bà cho vay lấy lãi 5.000đ/1.000.000đ/ngày và trả cho bà số tiền lãi là: 47.500.000đ là hoàn toàn không có, bà không cho vay lãi nặng, không môi giới, đe dọa, lăng mạ, xúc phạm, làm nhục, giam giữ bà N vào ngày 27/5/2019.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành bị đơn là bà Lê Thị N trình bày: Bà vay của bà T số tiền 50.000.000đ đồng là đúng. Giấy vay tiền ngày 08/11/2018 do bà viết và ký tên. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết số nợ bà T khởi kiện 50.000.000đ được trừ số tiền đã trả 10.000.000đ số nợ còn lại 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) bà đồng ý trả cho bà T.

Tại phiên tòa, bà N rút các nội dung tố cáo bà T có hành vi cho vay lãi nặng, tố chức đe dọa, lăng mạ, xúc phạm, làm nhục và cùng với vợ chồng ông Q giam giữ bà 2 giờ trái pháp luật vào ngày 27/5/2019.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị N là bà Lê Thị H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 BLDS xác định trách nhiệm trả nợ của bà Lê Thị N theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà N đã trả 10.000.000đ, bà N còn phải trả cho bà T 40.000.000đ.

Người làm chứng ông Trịnh Văn H trình bày: Bà N trình bày ngày 21/3/2019 đưa cho ông 5.000.000đ tiền lãi là hoàn toàn không có.

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ: Bản kết luận xác minh số 81/KLXM ngày 10/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn kết luận: Quá trình điều tra không đủ căn cứ để chứng minh hành vi cho vay lãi nặng đối với bà Hoàng Thị T. Đối với hành vi bắt giữ người trái pháp luật: Cơ quan điều tra đã thu thập lời khai của người tố cáo, người có liên quan nhưng không đủ căn cứ để xác định anh Trần Hồng Q và bà Trịnh Thị H có hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-VKS ngày 07/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn không có nội dung nào liên quan đến bà Hoàng Thị T.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466BLDS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Lê Thị N vay của bà Hoàng Thị T số tiền 50.000.000đ đã trả được 10.000.000đ. Bà N còn phải trả cho bà T 40.000.000đ. Về

án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay 50.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 08/11/2018, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Lê Thị N cư trú tại xã H, T, Thanh Hóa. Căn cứ Điều 26, 35,39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

[2] Xét hợp đồng vay tiền ngày 08/11/2018: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất: Giấy vay tiền mặt ngày 08/11/2018 do bà N ký vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận thống nhất bà N vay bà T số tiền 50.000.000đ đã trả 10.000.000đ còn nợ lại 40.000.000đ . Bà N còn phải trả cho bà T số nợ còn lại là 40.000.000đ. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bà N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35,39, 271,273 BLTTDS; Điều 357, 463,466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, bà N phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai số A A/2018/0003562 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Long Trần Xuân Anh

Lê Thị Thu